

Bản án số: 160/2022/HS-PT
Ngày 25-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ.

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Xuân Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 267/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Tô Văn N và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Tô Văn N và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Tô Văn N (tên gọi khác: Nhanh nhỏ) sinh năm 1992 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn B và bà Lê Thị Lệ H; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh đến nay.

2. Tô Văn N1 sinh năm 2000 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi đăng ký tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn B và bà Lê Thị Lệ H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay.

3. Tô Văn T sinh năm 1989 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Đ và bà Phan Thị Thu V; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay.

4. Phan Thanh Nu A sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký tạm trú: tổ 3, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh S và bà Tô Thị T; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 26 tháng 5 năm 2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số: 71/2021/HS-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; bị bắt, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 23 tháng 01 năm 2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

5. Bùi Văn Q (tên gọi khác: H) sinh năm 1999 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Út P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 23 tháng 01 năm 2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

6. Trần Quốc D sinh năm 1994 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: phụ quán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Kiều Thị Đ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 09 tháng 12 năm 2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 03 bị cáo, 01 bị hại, 01 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02 tháng 9 năm 2019, trong lúc chơi đá gà, Phan Thanh Nu A (tức Nu) và Huỳnh Tấn H (tức Mười Sơn) cự cãi qua lại, H thách thức Nu A động đến

mình cho nên Nu A đã dẫn theo Tô Văn N (tức N nhỏ), Trần Quốc D, C và vợ của Võ Minh L (chưa rõ nhân thân lai lịch) đến phòng trọ của Hiệu ở đường N3-B5, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để tìm đánh H. Đến nơi Nu A và H xảy ra xô xát qua lại với nhau, nhóm của Nu A bị H đuổi đánh, sau đó được người dân can ngăn nên nhóm của Nu A bỏ về.

Khoảng 14 giờ ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại quán “Nửa Đêm Quán” có Tô Văn N (N nhỏ), Tô Văn N2 (N lớn), cùng Tô Văn N1, Phan Thanh Nu A và Tô Văn T cùng ngồi ăn và uống bia với nhau. Trong lúc uống bia, Nu A đã kể lại cho mọi người nghe việc bị H đuổi đánh mấy ngày trước rồi rủ N2, Nhanh (Nhanh nhỏ), Nhẹ và Trí tìm cách trả thù Hiệu. Tất cả đều đồng ý. Sau đó, N (Nhanh nhỏ) điện thoại cho Võ Minh L (tức T tivi, T mặt quỷ) đến quán nói chuyện vài ngày trước vợ của Võ Minh L bị nhóm Hiệu đánh và bàn bạc về việc đi đánh trả thù H. Tiếp đó, N nhỏ điện thoại rủ thêm các đối tượng khác đến quán của mình để bàn bạc cùng nhau đi đánh H. Khoảng 15 phút sau, Đặng Quang M điều khiển xe Exciter 135 màu xanh trắng chở theo Trần Thanh T, Danh T đem theo 01 gậy bóng chày điều khiển xe Winner màu xanh chở theo Bùi Văn Q mang theo gậy ba khúc đến; Thạch D mang theo kiếm chở theo L (chưa rõ nhân thân lai lịch) mang theo 01 dao tự chế đến. Hồ Tuấn A nhắn tin kêu Trần Thanh T tới chở cũng mang theo 01 dao tự chế đến quán của N2. Tại quán của N2, có Tống Hồng S, Trần Quốc D, L xe ôm (chưa rõ nhân thân lai lịch) đang phụ làm đồ ăn tại quán. N nhỏ lấy từ trong quán ra 03 (ba) gậy sắt và 01 dao cùng với các đối tượng bỏ dao tự chế vào giỏ bội thường dùng để đựng gà và mang theo 03 gậy sắt và nói “tất cả đi qua nhà anh T”. Tại phòng trọ của L có: Nu A, L, N (N nhỏ), N2 (N lớn), D, còn những người khác ngồi bên ngoài đợi. Trong lúc nói chuyện, L mang ra 01 dao tự chế (loại dao mèo) để trên mặt bàn, N nhỏ thấy nên đã lấy dao quần vào áo khoác màu đen. Sau khi bàn bạc và đi đến thống nhất, khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, N nhỏ là người phân công nhiệm vụ cho nhóm đi xe máy gồm: T, A, M, N1, T2, Q, S, C, L và N (chưa rõ lai lịch) đi đến ngã tư đường N3-5B cạnh quán cà phê Đạt T thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để chặn đường đánh H, còn những người còn lại gồm: N2 lớn, N nhỏ, L, Nu A, D, Thạch D, L đi bộ vòng phía dưới cách phòng trọ của anh H khoảng 200m để tìm H. Khi nhóm đi xe máy vừa đi tới ngã tư đường N3-5B thì thấy H đang điều khiển xe mô tô tới, C la lớn “nó kia”. Thấy vậy, T, N1, M, T2, Q, N và S xuống chặn H lại. N chạy tới đạp xe H ngã rồi cả nhóm xông tới. A, Q, M, N1, S dùng tay, chân đánh H; T dùng nón bảo hiểm đánh H, N nhặt 02 bóng đèn tuýp ngoài đường đánh vào người H, khi đó H ngã nằm xuống đường bị T dùng dao chém vào lưng gây thương tích, sau đó H vùng dậy bỏ chạy về nhà trọ của mình. Thấy H bỏ chạy nên cả nhóm lấy xe đi theo đường N3-5B đi về. Khi vừa đi được khoảng hơn 150 mét thì cả nhóm gặp nhóm của N nhỏ đang đi bộ ngược lại, một người nói “*Gặp nó rồi mới đánh xong*” thì Nhanh nhỏ nói “*Quay xe lại*”, cả nhóm cùng quay lại kiốt của H. Tại đây, D, T, M,

T, A dùng gạch ném vào phía H nên H bỏ chạy lên gác đóng cửa lại. Khi đó Võ Văn Tuấn K (là thợ làm chung công trình với H) đang ở phòng trọ kế bên thấy người H dính máu, phía sau có một đám người cầm dao, gây đuổi đánh nên K cầm ghế nhựa đang ngồi lên quơ xung quanh nhằm giải vây cho H. K thấy đông người đuổi đến nên K vào trong phòng trọ lấy 01 ống tuýp sắt đánh trả lại N1 thì được N đưa tay trái lên đỡ thay cho N1, còn tay phải dùng dao chém K hướng từ trên xuống, K dùng tay đỡ, K lùi lại thì bị vấp trúng đồng gạch nên trượt chân ngã xuống cùng lúc bị N, T và N1 dùng dao chém nhiều cái vào đầu, tay gây thương tích. Sau khi chém K xong, nhóm người của N ra lấy xe đi về và vứt dao cùng cây sắt bên lề đường, một số thì mang về phòng trọ của L cất giữ. H và K bị thương được người nhà đưa đi cấp cứu. Sau thời gian điều trị, H và K đến Cơ quan Công an để trình báo vụ việc, đồng thời có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can và giám định thương tích.

Tại Bản án số 60/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Tô Văn N 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Tô Văn N1 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Tô Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Thanh Nu A 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù tại Bản án số: 71/2021/HS-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Buộc bị cáo Phan Thanh Nu A phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 23 tháng 01 năm 2020 và trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 8 năm 2020 đến ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 23 tháng 01 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 09 tháng 12 năm 2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Danh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt bị cáo Hồ Tuấn A11 (mười một) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù; xử phạt bị cáo Đặng Quang M 10 (mười) tháng tù, bị cáo Trần Thanh T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, bị cáo Trần Quốc D có đơn kháng cáo xin chuyển sang loại hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, bị cáo Bùi Văn Q kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, các bị cáo Tô Văn N, Tô Văn N1, Tô Văn T, Phan Thanh Nu A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã lôi kéo đông người tham gia, dùng hung khí nguy hiểm tấn công nhiều bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, mức hình phạt mà cấp Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo mong Hội đồng xét xử chấp kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong quá trình sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: ngày 04 tháng 9 năm 2019, sau khi bàn bạc và thống nhất, khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, N phân công nhiệm vụ cho nhóm: T, A, M, N1, T, Q, S, C, L và N3 (chưa rõ lai lịch) đi đến ngã tư đường N3-5B cạnh quán cà phê Đạt T thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để chặn đường đánh Hiệu, còn những người còn lại gồm: N2, N, L, Nu A, D, Thạch D đi bộ vòng phía dưới cách phòng trọ của ông H để tìm H. Khi nhóm thấy H, N3 chạy tới đạp xe H ngã rồi cả nhóm xông tới A, Q, M, N, S dùng tay, chân đánh H; T dùng nón bảo hiểm đánh H, N3 nhặt 02 bóng đèn tuýp ngoài đường đánh vào người H, khi đó H ngã nằm xuống đường bị T dùng dao chém vào lưng gây thương tích, sau đó H vùng dậy bỏ chạy về nhà trọ của mình thì D, T, M, T1, A dùng gạch ném vào phía Hiệu nên H bỏ chạy lên gác đóng cửa lại. Khi đó Võ Văn Tuấn K (là thợ làm chung công trình với H) đang ở phòng trọ kế bên thấy người H dính máu, phía sau có một đám người cầm dao, gây đuổi đánh nên K cầm ghế nhựa đang ngồi lên quơ xung quanh nhằm giải vây cho H. K thấy đông người đuổi đến nên K vào trong phòng trọ lấy 01 ống tuýp sắt đánh trả lại N1 thì được N đưa tay trái lên đỡ thay cho N1, còn tay phải dùng dao chém K hướng từ trên xuống, K dùng tay đỡ, K lùi lại thì bị vấp trúng đồng gạch nên trượt chân ngã xuống cùng lúc bị N, T và N1 dùng dao chém nhiều cái vào đầu, tay gây thương tích. Các bị cáo N, N1 và T dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Võ Văn Tuấn K với tỉ lệ thương tật là 11%, bị hại H với tỉ lệ thương tật là 03%. Hành vi của các bị cáo N, N1, T, Nu A, Q, T1, D, M, Danh T và A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện B xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình dùng dao, ống tuýp sắt là hung khí nguy hiểm đánh bị hại là nguy hiểm đến tính mạng, xâm hại đến sức khỏe của bị hại, hành vi đó là vi phạm pháp luật,

nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và không nặng. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, lôi kéo nhiều người cùng tham gia dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho nhiều bị hại, làm mất trật tự trị an tại địa phương, hành vi này cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội sẽ gây nguy hiểm cho xã hội nên cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[6] Các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm (dao, ống tuýp sắt) để gây thương tích, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tổ chức là chưa đầy đủ và không đúng pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án số 60/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Tô Văn N 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Tô Văn N1 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Tô Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phan Thanh Nu A 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù tại Bản án số: 71/2021/HS-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo Phan Thanh Nu A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày 23 tháng 01 năm 2020 và từ ngày 12 tháng 8 năm 2020 đến ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 23 tháng 01 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 09 tháng 12 năm 2019.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Tô Văn N, Tô Văn N1, Tô Văn T, Phan Thanh Nu A, Bùi Văn Q, Trần Quốc D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.